

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Opinions d'un jeune⁽¹⁾
Y-kiến của một người thanh-niên

II

La jeunesse va-t-elle écouter maintenant les suggestions de la classe des « nouveaux riches » ?

La classe des nouveaux riches : commerçants, industriels, colons, entrepreneurs, vient de naître à la vie dans le pays d'Annam, mais ce sont des enfants prodiges. A l'exemple de leurs frères d'Europe, ils entendent jouer un rôle dans l'évolution du pays. Il est vrai que ce rôle qu'ils rêvent n'est pas celui de conduire la foule des garçons de dix-huit ans. A force d'avoir entendu dire dans les discours que tout bon Annamite doit maintenant se lancer dans les affaires pour reprendre la place usurpée par les Chinois, ils sont fortement convaincus qu'ils remplissent une belle œuvre patriotique en allant à la poursuite du veau d'or. Ils aiment à le dire publiquement quand ils se voient obligés, pour pouvoir le saisir plus vite, de s'engager dans des chemins pleins d'ordures ou de fouler sous leurs pieds les cadavres des gens ruinés à cause d'eux. Les autres sont des orateurs diserts, des rhéteurs subtils ; eux, ils sont des « hommes d'action », et ils sont fiers d'avoir des piastres pour parler à leur place. Les piastres sont d'ailleurs très éloquentes et donnent de la hardiesse à ceux qui les détiennent. « Vous pouvez vous moquer, m'a dit l'un d'eux, de mes joues joufflues, de mon ventre obèse, de mon estomac vorace et de mon cerveau obtus ; vous ne vous moquerez pas de mon argent. L'argent, c'est la seule divinité qui ne soit pas discutée à notre époque. Elle

Nay kẻ thanh-niên có chịu nghe lời khuyên-nhủ của bọn « tân-phú-ông » không ?

Bọn tân-phú-ông là bọn buôn-bán, công-nghệ, khai - khẩn, thầu-khoán, mới xuất-hiện ở đất nước Nam, nhưng đã hách-dịch lắm. Cũng bắt-chước các bạn đồng-nghiệp châu Âu, muốn có một phần trong cuộc tiến-hóa nước nhà. Nhưng muốn là muốn cái địa-vị to-tát, chứ không muốn đầu làm hướng-đạo lũ trẻ mười-tám tuổi. Thường nghe diễn-thuyết nói rằng người An-Nam muốn có ích-lợi cho nước thì phải quay về đường doanh-nghiệp để cướp lại cái địa-vị của người Tàu đã chiếm mất, các ông ấy tự-tin rằng « đi đuổi con bò vàng » (nghĩa là trục-lợi kiếm tiền) tức là làm việc nghĩa-vụ đối với nước. Thường công-nhiên nói thế, vì muốn cho mau bắt được (con vật quý-báu ấy), các ông thường phải bước vào những con đường ô-uế, xéo lên trên những đồng xác người đã chết hại vì các ông. Kẻ khác thì biện-thuyết giỏi, văn-chương hay ; các ông là những « tay thực-hành », các ông tự-cao rằng đã có đồng bạc nó biện-bác cho các ông. Mà đồng bạc kẻ cũng hùng-biện thật, ai đã có bạc trong tay thì thành ra bạo-dạn. Có một ông phú-gia nọ đã bảo tôi rằng : « Tha-hồ cho các ông chê má tôi phính, bụng tôi to, dạ dày tôi tham ăn, đầu óc tôi mít-đặc ; bạc của tôi thì chắc các ông

(1) Voir la première partie dans le n° précédent (N. P., n° 72).

fait des cures merveilleuses, guérit la laideur, l'ignorance, la dureté du cœur, la lourdeur d'esprit. Croyez-moi, allez à la recherche de la galette, et vous serez bien considéré, et, notre pays, en devenant riche, deviendra puissant. »

Evidemment, l'argent n'est pas à mépriser, mais on n'est pas pour rien les descendants d'une longue suite de générations exclusivement nourries de rêves creux, de vers insipides, et pour qui les pièces d'or et d'argent ne sont que de « vils métaux qui salissent la main ». On n'est pas pour rien également les citoyens d'une nation de lettrés où, quoiqu'on en dise, le culte du beau réunit encore plus de fidèles que le culte des écus. Faut-il l'avouer ? Pour disputer aux Chinois les places usurpées dans le commerce et l'industrie, on a besoin d'avoir des mains rudes, une voix forte, un cœur quelque peu endurci, une conscience pas trop scrupuleuse, une énergie indomptable, capable de vaincre toutes les difficultés, et aussi toutes les... répugnances, qualités que la jeunesse regrette beaucoup de n'avoir pu acquérir sur les bancs de l'école, et, c'est pourquoi, consciente de sa faiblesse, elle continue toujours de tourner indécise autour du carrefour des devoirs, n'osant pas encore répondre aux appels des nouveaux riches qui l'invitent à s'engager dans le chemin tortueux où l'on est sûr de ramasser beaucoup de pièces sonnantes et de billets crasseux.

Elle préfère tourner ses yeux vers la classe des nouveaux intellectuels.

Les nouveaux intellectuels sont ceux qui ont reçu une instruction française. Beaucoup sont sortis des écoles du pays ; quelques-uns ont passé leur enfance ou une partie de leur jeunesse sous le ciel serein de France. Ils ont conquis tous les diplômes, depuis le simple certificat d'études primaires jusqu'au doctorat, en passant par le baccalauréat, la licence et les diplô-

me, non ché. Đời nay duy* có tiền-bạc là vị thần vô-dối-dịch. Thần này trị bệnh diệu lắm : có bạc thì bao nhiêu những tật xấu-xa, dốt-nát, ác-nghiệt, ngu-xuẩn, khỏi hết. — Các ông nên nghe tôi, cứ kiếm được nhiều bạc, là được danh-giá, và nước có giàu mới được mạnh. »

Vẫn biết thế, tiền-bạc không phải là đáng khinh, nhưng giống mình là giống mấy mươi đời chỉ thiên-trọng hư-vấn, coi kim-tiền là vật xấu-xa, làm nhơ-bẩn tay người. Nước mình là nước có nho-phong, người biết mê câu văn hay còn hơn kẻ chỉ thờ đồng bạc trắng. Nói cho thực, muốn tranh với người Tàu cái địa-vị về thương-nghiệp, về công-nghệ, phải cần bàn tay cho chắc, tiếng nói cho to, bụng dạ hơi nhẫn một tí, lương-tâm đừng quá khát-khe, lại phải có cái nghị-lực bất-bạt, đủ thắng được mọi sự khó-khăn cùng mọi sự... ghê-nhờm, — toàn là những tư-cách kẻ thanh-niên tiểc chưa thể học được tự khi ở nhà trường, bởi thế nên biết mình kém, cứ đứng quanb-quần ở chỗ đường « nghĩa-vụ phân-kỳ », không dám nghe lời các « tân-phủ-ông » giục-giã nên bước vào cái con đường khuất-khúc kia là chỗ kiếm được nhiều những đồng bạc loảng-soảng, những mảnh giấy câu-ghét.

Thanh-niên lại muốn quay nhìn về bọn tân-trí-thức.

Tân-trí-thức là những người đã có học tây. Phần nhiều thời tốt-nghiệp ở các trường bản-xứ ; cũng có một số người đã qua tuổi đồng-ấu và một phần tuổi thanh-niên ở đất Đại-Pháp phong-quang. Đã thi đỗ được đủ các thứ bằng-cấp, tự bằng tiểu-học cho đến bằng tiến-sĩ, không kể những bằng tú-tài, cử-nhân, kỹ-sư đủ các chuyên-

mes d'ingénieurs de toutes les spécialités. Ils exercent toutes les professions : ils sont professeurs, médecins, magistrats, journalistes, agriculteurs, techniciens, et, de par leurs fonctions, leurs relations sociales, leur caractère bruyant, enthousiaste, généreux, ils représentent l'étoile polaire pour les jeunes pilotes appelés à tenir le gouvernail du bateau. Cependant, il y a dans cette classe, à l'heure actuelle, deux types d'hommes différents, ayant des caractères spécifiques, qui les font reconnaître aisément, en dépit de leurs traits communs : ces deux types sont pour la jeunesse comme deux formes de tentations redoutables : le jouisseur des sensations physiques et le jouisseur des sensations intellectuelles.

Le jouisseur des sensations physiques est unsavant : il a étudié la philosophie naturelle, et il a compris la grande loi de la concurrence vitale qui la domine. La libellule mange la fourmi, le moineau mange la libellule, la pie-grièche mange le moineau, le vautour mange la pie-grièche, l'homme tue le vautour, et l'homme tue l'homme : et celui-là est roi de la création qui a les moyens les plus cruels pour exterminer les autres races et ses propres frères. Il a appris la chimie, et il sait que la vie se manifeste sous une multitude de formes et que l'homme n'est qu'une de ces formes, ni plus élevée, ni plus impure, son corps, comme les autres corps, retournant à la terre après la mort sous forme de carbone et d'azote pour entrer dans la composition d'un tissu végétal qui nourrira un animal, lequel donnera de la chair que l'homme dévorera pour en faire sa chair à lui, laquelle chair secrètera des larmes, de l'urine, des pensées, des sentiments, des passions dont dépendront la paix et le bonheur de l'espèce humaine pour une certaine durée. Il a appris l'histoire, et il a vu que les peuples naissent, grandissent, évoluent et meurent, suivant une loi fatale, absolument comme les hommes : que la civilisation, née des rives fertiles du Nil, du Gange, du Hoang-Ho, est

môn. Hiện làm đủ các nghề-nghiệp : thầy giáo, thầy thuốc, quan tòa, làm báo, làm ruộng, làm các thầy chuyên môn ; có địa-vị, có học-thức, có giao-thiệp, lại tinh-khí hăng-hái, nhiệt-thành, thật đối với bọn thanh-niên mới ra cầm lái, không khác gì như ngôi sao Bắc-dầu vậy. Tuy vậy, trong bọn tân-tri-thức ấy, hiện nay có hai thứ người khác nhau, có đặc-tinh riêng, đều có nhiều điều khác tương-tự, mà cũng dễ phân-biệt được ngay. Hai thứ người ấy khác nhau như hai cách cảm-dô kẻ thanh-niên dữ lắm : một là người ham khoái-lạc về nhục-thể, hai là người ham khoái-lạc về tinh-thần.

Người khoái-lạc về nhục-thể là một tay bác-học : đã từng nghiên-cứu về thiên-nhiên-triết-học, biết cái luật sinh-tồn cạnh-tranh là gồm hết cả. Con chuồn-chuồn ăn con kiến, con chim sẻ ăn con chuồn-chuồn, con ác-là ăn con sẻ, con diều-hâu ăn con ác-là, người giết con diều-hâu, người lại giết lẫn người ; người là chúa-tể muôn loài, vì giống người có nhiều cách độc-ác dễ giết hai các loài và giết hai lẫn nhau. Lại đã học qua hóa-học, biết rằng sự sinh-hoạt thiên-hình vạn-trang, người ta chẳng qua là một cái trạng-thái của sự sống, chẳng cao-thượng hơn gì, chẳng xấu-xa hơn gì các trạng-thái khác ; thân-thể người cũng như các vật-thể khác, chết rồi cũng quay về đất biển ra thân-chất đạm-chất, dễ làm thành ra cái sợi cây, cây ấy nuôi cho giống động-vật, giống động-vật làm thịt cho người ăn, thịt người rồi chảy ra nước mắt, nước dãi, sinh ra tư-tưởng, cảm-tình, những đặc-tinh của người ta mới gây ra mọi cuộc sống khổ cho giống người trong ít lâu chi đó. Lại có học lịch-sử, biết rằng các dân-tộc cũng sinh ra, lớn lên, biến-hóa đi, rồi chết, theo một cái luật tất-nhiên như giống người, biết rằng văn-minh phát-sinh ra ở bờ sông

venue s'épanouir d'abord autour de la Méditerranée, puis dans les régions que baigne l'Océan Atlantique et aujourd'hui, paraît-il, sur les terres fécondes de l'Océan Pacifique, pour venir se réfugier peut-être dans l'ancien berceau; et que par conséquent il est parfaitement inutile de se lamenter sur la misère ou la faiblesse momentanée de sa patrie. Il a lu les différentes théories des grands maîtres de la pensée, et cette lecture lui a révélé le sensualisme d'Epicure, l'utilitarisme de Hobbes, l'arithmétique des plaisirs de Bentham, la morale des surhommes de Nietzsche et la doctrine de violence de Hegel. De ce qu'il a lu, vu, examiné, appris, il a tiré un principe de vie, qu'il entend suivre à la lettre, au grand jour, en homme énergique capable de mépriser les vaines alarmes du troupeau des moralistes retardataires. Ce principe tient dans ce seul mot : jouir, jouir du présent, de l'avenir, du passé, jouir de toutes les sensations avec frénésie, avec violence, de la beauté, du luxe, des somptueux vêtements, des magnifiques palais, et, pour pouvoir jouir de toutes les sensations, réussir et, pour réussir, dominer les scrupules et ces sentiments lâches qu'on appelle la générosité, la charité, la pitié. Qu'il fasse de la politique ou du commerce, qu'il soit avocat ou journaliste, ou entrepreneur ou médecin, il n'a que lui pour principe, pour fin, pour dieu. Il ne le cache pas. Il se complait même à le dire. Il est fier de sa force morale. Ne lui parlez pas d'idéal. Il vous répondra jovialement que c'est une sottise. Il va croire, en me lisant, que je « blague » pour faire du bruit, comme, lui, autrefois, du temps de sa jeunesse, quand il se grimait en patriote, ou en intellectuel, ou en artiste, pour conquérir la faveur du gouvernement, un bon payeur, ou les grâces des belles filles, ou l'admiration de la foule des ignorants.

Ni-la, sông Hằng-hà, sông Hoàng-hà, trước toàn-thịnh ở trong miền Địa-trung-hải, rồi chuyển-di ra các miền giáp Đại-Tây-dương, ngày nay thời xem chừng dịch ra vùng Thái-bình-dương để lại quay về nơi chốn tổ; như vậy thời nước nhà dẫu suy-dồi, chẳng qua là nhất-thời, than khóc cũng vô-ích. Lại đọc qua những lý-thuyết của các nhà đại-tư-tưởng xưa nay, biết cái khoái-lạc-chủ-nghĩa của EPICURE, duy-lợi chủ-nghĩa của HOBBS, du-khoái-toán-học của BENTHAM, siêu-nhân-luân-ly của NIETZSCHE, và bạo-dộng-chủ-nghĩa của HEGEL. Cứ những điều đã học được, đọc được, nghiệm thấy, xét thấy, thời suy ra một cách ăn ở riêng, định công-nhiên theo, ra người quả cảm, dám khinh thường những sự sợ hãi vô-ích của phái đạo-đức hủ-lậu. Cách ăn ở ấy chỉ gồm trong một tiếng : hưởng khoái-lạc, hưởng khoái-lạc về hiện-tại, về quá-khứ, về tương-lai, hưởng hết mọi sự cảm-giác cho thật kịch-liệt, cho thật mạnh-bạo, hưởng sự đẹp, hưởng sự phong-lưu, quần áo sang, lầu-đài đẹp, và muốn cho được hưởng đủ mọi sự như thế thời phải cho phát-tài, muốn cho phát-tài thời phải át cả những cái tình-tình hèn-yếu, như lòng nhân-hậu, lòng bác-ái, bụng thương người, v. v.. Dù làm việc chính-trị hay việc buôn-bán, làm thầy kiện hay làm nhật-báo, làm thầu-khoán hay làm thầy thuốc, cũng chỉ lấy một mình làm mục-đích, làm cứu-cánh, làm thánh-thần. Không có giấu-giếm gì, lại thường hay phô-phang, tự-cao ta là người quả-cảm. Đừng có nói chuyện lý-tưởng với họ. Họ sẽ cười mà trả lời là nói bậy. Thấy tôi viết thế này chắc họ nghĩ bụng rằng tôi cũng viết đùa chơi, để lấy tiếng hảo, cũng như hồi xưa mình còn trẻ, làm mặt ra người ái-quốc, người tri-thức, người tài-hoa, để lấy ơn của Chánh-phủ, vì Chánh-phủ thường hay đãi hậu, hay là để

Maintenant, la réputation conquise, la galette prise, les femmes tour à tour abandonnées et séduites avec une maëstria digne d'un Don Juan, adieu idéal, art, religion, patrie, et vivent le bon vin, les belles maisons, les belles autos, les belles métisses ! Il est cependant facile de se convaincre que le plaisir sensuel n'est pas la véritable fin de l'homme, par le seul examen de la nature et des effets de la passion. Il s'é-mousse en effet avec le temps, de sorte que l'objet des désirs les plus ardents, quand il est atteint, amène bientôt la lassitude, sinon le dégoût, et devient la source des déceptions les plus amères. Et ce sont ces dégoûts, ces déceptions qui conduisent l'homme de désirs en désirs, toujours leurré par l'espoir d'une satisfaction complète qu'il n'atteint jamais et finalement épuisé par la vaine poursuite du mirage pour devenir une pauvre loque de chair sans volonté que balloteront à leur fantaisie les passions plus dégradantes.

*Malheureux ! cet instant où votre âme
A secoué les fers qu'elle traîne ici-bas, en-
[gourdie,
Ce fugitif instant fut toute votre vie,
Ne le regrettez pas !
Regrettez la torpeur qui vous cloue à terre,
Vos agitations dans la fange et le sang,
Vos nuits sans espérance et vos jours sans
[lumière.
C'est là qu'est le néant !*

ALFRED MUSSET

Jouisseurs sensuels ! s'il vous arrive, durant vos nuits sans espérance et vos jours sans lumière, de vous dire que peut-être le véritable objet de la sensibilité humaine est placé bien au-dessus des plaisirs des sens, dans la contemplation du beau que nous offrent les spectacles de la nature ou

chim gai đẹp cho dễ, bay là lòi kẻ ngu phải phục.

Bây giờ tiếng đã có rồi, của đã có rồi, đàn-bà đẹp quyến rũ hết người ấy sang người khác, lấy rồi lại bỏ, thạo hơn DON JUAN bên phương Tây ngày xưa, thời xin kiểu cả lý-tưởng, cả mỹ-thuật, cả tôn-giáo, cả quốc-gia, chỉ biết rượu ngon, nhà đẹp, ô-tô cho lịch-sự, gái lai cho mỹ-miêu ! Song, há không hiểu rằng sự khoái-lạc về nhục-thê không phải là cái mục-đích chân-chính của đời người, cứ xét ngay lẽ thiên-nhiên và cái kết-quả của bụng dục thể nào thì đủ biết. Sự khoái-lạc càng lâu ngày càng phai-nhạt đi, mình ham-muốn cái gì rất háng-hái, đến khi được rồi thì chán-nản ngay, rồi thành ra lảm nãi phiền-muộn cay-dắng. Cũng bởi chán-nản phiền-muộn như thế, nên thích cái này, rồi lại muốn cái khác, bao giờ cũng mơ-tưởng được cái khoái-lạc hoàn-toàn hơn mà không được, cứ theo đuổi cái mộng-ảo mãi, rồi có ngày thân mình thành một đồng thịt tàn, không có khi-lực gì nữa, bị những cái dục-tinh rất đê-hạ nó đưa nó đẩy đến đâu cũng không biết.

Thi-nhân nước Pháp, ông MUSSET, đã có câu nói rằng :

« Khốn-nạn cho anh, cái lúc mà linh-hồn anh đã cứng-đờ, vút-bỏ được cái giây xích nó trói buộc ở trong cõi đời này, cái lúc thoảng qua đó, ấy là cả một đời anh đấy ; anh cũng chẳng nên tiếc làm gì ! — Nên tiếc cái lúc mê-mẩn nằm lăn dưới đất, quay-cuồng trong đồng máu đồng bùn, tiếc những đêm luống mòng, những ngày không sáng ; ấy cái hư-không là đó ! »

Này các ông ham cái khoái-lạc về nhục-thê, gặp « những đêm luống mòng, những ngày không sáng », hoặc có nghĩ đến rằng cái mục-đích sự cảm-giác của người ta có lẽ còn cao hơn những cái khoái-lạc về nhục-thê, ở sự quan-cảm những cảnh đẹp của

les merveilles de l'art, ou encore les sacrifices nés des grandes et pures affections, comme les affections de famille, l'amour des semblables, l'amour de la patrie, oubliez votre existence passée, prenez la ferme résolution de vous refaire une vie nouvelle basée sur ces grands principes qui ont fait la force de notre famille et la vitalité de notre race et qui, quoiqu'on en dise, sont encore capables de diriger notre évolution actuelle, et qui dira qu'avec votre belle intelligence, votre savoir-faire, vos qualités d'entrain et d'initiative, vous ne pourrez encore être utiles à la jeunesse dans son désarroi actuel ? Sinon ? Sinon, elle vous maudira. Elle vous haïra plus que les lettrés réfractaires, plus que les soi-disant « pères et mères du peuple », plus que les parvenus et les nouveaux riches, parce que vous êtes des gens qui comprennent, qui savent voir, qui ont des moyens d'action, qui pourraient, s'ils le voulaient, rendre de réels services au pays en servant de guides à la jeunesse inexpérimentée.

Le second type du nouvel intellectuel est le jongleur d'idées. L'autre est épicurien scientifique, appliquant au soin de sa fortune, avec une ardeur de positivisme effrayante, la grande loi de la concurrence vitale ; lui, il est un sophiste dédaigneux, ayant toutes les aristocraties dans le sang et dans les nerfs, et dont l'esprit pervers, précocement gâté par un excès de facilité à tout comprendre dans l'ordre moral et un excès de hardiesse à tout regarder derrière les voiles sacrés posés par les anciens, s'amuse malicieusement à sabrer les bases branlantes des croyances dans lesquelles l'humanité est habituée à vivre et agir. Ne lui parlez pas de religions : il est assez intelligent pour découvrir qu'elles renferment souvent des contradictions amusantes, des quiproquos comiques. Ne lui parlez pas de

thiên-nhiên, những kỳ công của nghệ thuật, ở tâm lòng thương-yêu cao-thượng và trong-sạch, khiến cho có thể quyên mình vị kẻ yêu, như thương-yêu trong gia-đình, kẻ đồng-loại, tổ-quốc nhà ; hoặc còn có lúc nghĩ đến thế, thời nên quên cái cuộc đời trước đi, nên quả-quyết lập ra một cuộc đời mới, lấy đạo cương-thường làm gốc, đạo ấy đã từng làm cho gia-đình ta được bền, giống-dòng ta được mạnh, và dù ai nói thế nào, chứ hiện nay đạo ấy vẫn còn đủ chi-phối cho cuộc tiến-hóa dân ta ngày nay ; thử quyết-định như thế xem thông-minh như các ông, lâu-thạo như các ông, lanh-lợi phần-phát như các ông, lại không còn giúp được cho thanh-niên giữa lúc bối-rối chông-chênh này dư ? Nếu không thế ư ? nếu không thế, thì thanh-niên rủa cho các ông. Thanh-niên lại căm-gheo các ông hơn là bọn nhà nho phản-đối, hơn là bọn giả-danh « phụ-mẫu dân », hơn là bọn sâu-phú, vì các ông là người biết hiểu, biết trông, có cách làm được, nếu có chí ra, thì có thể được việc ích-lợi cho nước mà làm hướng-dạo cho bọn thanh-niên khờ-dại.

Trong bọn trí-thức có một hạng thứ nhì nữa là hạng « múa dối bằng tư tưởng. » Người kia là người ham khoa-lạc một cách có cách-trí, đem cái chủ-nghĩa thực-lẽ mà thi-hành cái phép lợi sinh-tồn-cạnh-tranh để mưu sự sung-sướng cho thân mình ; người này thời là một tay khéo nói khinh đời, ngiên-nhiên ra thế-cách tinh-tinh người thượng-lưu, mà có cái trí hiêm-não, sớm thông-minh, đã hiểu cả các lẽ đạo-nghĩa, lại sẵn-sở dám khám-phá cả những điều huyền-bí của cổ-nhân, tinh-quái muốn đáp-đỗ cả những sự tin-tưởng của loài người đã quen theo trong cách ăn-ở xưa nay. Đừng có nói chuyện tôn-giáo với họ : họ cũng đủ thông-minh mà hiểu rằng tôn-giáo có lắm sự trái-ngược buồn-cười, có làm

Patrie : il vous dira en souriant que le patriotisme, considéré aujourd'hui comme un sentiment très élevé, ne manquera pas d'être malmené par les moralistes dans un avenir plus ou moins prochain, comme l'est maintenant l'esprit de clan, tant chanté jadis par tous les poètes. Il ne croit ni à ce qu'il voit, ni à ce qu'il entend, ni à ce qu'il touche, ni à ce qu'il pense, parce qu'il sait que que les sens de l'homme ne lui révèlent pas les véritables aspects de la nature, que les sensations varient d'individu à individu, d'espèce à espèce, que tout cela évolue, comme évolue le genre humain, comme évolue la nature entière. La vérité ? l'erreur ? — « Vérité au-deçà des Pyrénées, erreur au-delà. » — La justice ? l'iniquité ? — « Pourquoi me tuez-vous ? — Et quoi ! ne demeurez-vous pas de l'autre côté de l'eau ? Mon ami, si vous demeuriez de ce côté, je serais un assassin et cela serait injuste de vous tuer de la sorte ; mais puisque vous demeurez de l'autre côté, je suis brave, et cela est juste. . . . Plaisante justice qu'une rivière borne ! » — Le bien ? le mal ? — « Le mal est nécessaire ; s'il n'existe pas, le bien n'existerait pas non plus. Le mal est l'unique raison du bien. Que serait le courage loin du péril et la pitié sans la douleur ? Que deviendraient le dévouement et le sacrifice au milieu du bonheur universel ? Peut-on concevoir la vertu sans le vice ? l'amour sans la haine ? la beauté sans la laideur ? » — Vous voulez que tout le monde soit instruit ? — « L'ignorance est la condition nécessaire, je ne dis pas du bonheur, mais de l'existence même. » — Pour lui, rien n'est vrai, rien n'est faux, rien n'est moral, rien n'est immoral, rien n'est beau, rien n'est laid, tout est rien et rien n'est rien. Les autres aiment à faire combattre les coqs, les buffles, les taureaux ; lui, il se complait à faire combattre les idées, à mettre en face l'un de l'autre les philosophes qui se contredisent, les systèmes qui se détruisent. L'impatience qui le porte à s'élever contre les opinions communes ne vient pas de ce

sự các-có kỳ-khôi. Đừng nói chuyện quốc-gia làm gì : họ tất lúm-lúm cười mà nói rằng lòng ái-quốc ngày nay cho là một tấm lòng cao-thượng, sau này không sớm thì muộn sẽ có ngày nhà đạo-đức bài-bác, cũng như cái tinh-thần về đảng-phiên ngày nay, xưa kia các nhà thi-nhân ca-tụng biết bao nhiêu. Nhất-thiết không tin cái gì cả, mắt thấy, tai nghe, tay cầm, bụng nghĩ, cũng không tin cả, vì biết rằng giác - quan của người ta không thể cảm-giác được cái chân-tướng của tạo-vật, và sự cảm-giác mỗi người một khác, mỗi giống một khác, cũng thay-đổi như giống người thay-đổi, như tạo-vật thay-đổi. Thế nào là phải ? Thế nào là trái ? « Bên này núi là phải, bên kia núi là trái ». — Sự công-bằng là gì ? Sự không công - bằng là gì ? — « Cớ sao anh lại giết tôi ? — Ồ ! thế anh không ở bên kia sông à ? Đây anh à, giá anh ở bên này sông mà tôi giết anh như thế thời không phải thật, tôi có tội thật, nhưng mà anh ở bên kia sông thì tôi là người có công và thế là đáng lắm. . . Ấy cái công-lý mới buồn cười thay, chỉ lấy con sông làm giới-hạn. » — Thiện là gì ? Ác là gì ? — « Sự ác là cần. Nếu không có ác thời thiện cũng không có. Sự ác là cái độc-nhất-lý-do của sự thiện. Không có nguy-hiểm thời can-dảm làm gì ? Không có sự khổ thời thương người làm gì ? Cả loài người sung-sướng hết thì xả-thân vị-nghĩa làm gì ? Không có sự xấu-xa thì sao nghĩ đến điều đạo-đức ? Không có bụng ghen-gét thì sao nghĩ đến bụng thương yêu ? Không có xấu thì sao biết đẹp ? » — Muốn cho ai cũng có học ư ? — « Ở đời không những muốn sung-sướng, muốn sống nữa, thì phải nên dốt-nát mới được » — Nói tóm lại, không cho cái gì là thực, không cho cái gì là hư, không cho cái gì là đạo-đức, không

qu'il veut servir la vérité, mais de ce qu'il trouve du plaisir à la chicaner. Il est le papillon voluptueux qui voltige de pensée en pensée avec une grâce élégante.

Ce scepticisme souriant est plein de charme, surtout quand il est défendu par les plus beaux talents, et paré de toute la splendeur des mots. Il séduit les esprits ouverts, les cœurs doux et bienveillants, particulièrement la jeunesse annamite, héritière de l'esprit libéral du confucianisme et élevée dans les écoles françaises où l'on entend encore, imperceptible, la voix des antiques sophistes grecs, de Protagoras, de Gorgia et de Prodicos de Céos. Il la séduit d'autant plus qu'elle croit trouver en lui un dérivatif à la vague douleur que lui ont léguée les ancêtres qui ont souffert et aux cruelles déceptions qu'elle a essayées au début de son entrée dans le monde. Cependant, en écoutant les exquis paradoxes de ces nouveaux intellectuels, quelques-uns des jeunes ne peuvent s'empêcher de penser au bel ouvrage d'Alexandre Dumas : *la Femme de Claude*, et au chef-d'œuvre de Paul Bourget : *le Disciple*, et ces paroles viriles adressées par ces deux grands écrivains aux jeunes Français de France, mais pouvant profiter également à tous ceux qui savent méditer, leur reviennent à la mémoire :

— « Prends garde ; tu traverses des temps difficiles. Tu viens de payer cher, — elles ne sont pas encore toutes payées, — tes fautes

cho cái gì là phi-đạo-dức, không cho cái gì là đẹp, không cho cái gì là xấu ; cái gì cũng là hư-không cả, chẳng cái gì là cái gì hết. Kẻ khác thì thích trội gà trội trâu, mình thì thích trội tu-tướng, đem các nhà triết-học đối nhau, đem các học-thuyết phản nhau để cho đánh lộn lẫn nhau. Hăng-hái muốn phản-đối những ý-kiến thông-thường của người ta, không phải vì sự thực mà làm thế, nhưng muốn cãi-cọ chơi cho nó thú. Khác nào như con bướm phất-phơ bay ở cái tu-tướng nọ sang cái tu-tướng kia, nhẹ-nhàng thành-thời như không.

Cái hoài-nghị-chủ-nghĩa êm-ái ấy, kẻ cũng thú thật, nhất là được người có tài văn - chương tô - điểm vào. Những kẻ tinh-thần sáng-sủa, bụng-dạ khoan-dung, lại càng thích lắm, nhất là kẻ thanh-niên nước Nam, đã kế-thừa được cái trí quảng-dại của đạo nho, và lại học-tập ở các trường Pháp ngày nay như còn phảng-phất nghe thấy tiếng các nhà ngụ-biện Hi-lạp đời xưa, như PROTAGORAS, GORGIA, PRODICOS DE CÉOS. Càng lấy làm thích lắm, vì tưởng chủ-nghĩa ấy có thể tiêu-khiến được cái sấu-khổ mông-màng của tiền-nhân di-truyền lại cho, cùng những nông-nổi luống-trông đau-dớn đã từng chịu từ khi mới vào cuộc đời. Song nghe những câu ngụ-biện khéo-léo của các bậc tân-tri-thức ấy, thanh - niên không thể không nghĩ đến bộ sách hay của ALEXANDRE DUMAS, đề là : *La Femme de Claude*, và bộ văn-chương kiệt-tác của PAUL BOURGET đề là : *Le Disciple* ; nhớ đến những lời mạnh - mẽ của hai ông danh-sĩ ấy khuyên cho kẻ thanh-niên nước Pháp, nhưng phàm người biết nghĩ nghe được cũng có lợi. Hai ông nói rằng :

— « Anh phải cẩn-thận ; anh đờng qua buổi khó-khăn. Anh mới phải trả nặng, — mà trả vẫn chưa hết, —

d'autrefois. Il ne s'agit plus d'être spirituel, léger, libertin, railleur, sceptique, folâtre : en voilà assez pour quelque temps au moins. Dieu, la nature, le travail, l'amour, tout cela est sérieux, très sérieux et se dresse devant toi. Il faut que tout cela vive ou que tu meures. »

— « Dans ces temps de conscience troublée et de doctrines contradictoires, attache-toi, comme à la branche de salut, à la phrase sacrée : il faut juger l'arbre par ses fruits. Il y a une réalité dont tu ne peux pas douter, car tu la possèdes, tu la sens, tu la vis à chaque minute : c'est ton âme. Parmi les idées qui t'assaillent, il en est qui rendent cette âme moins capable d'aimer, moins capable de vouloir. Tiens pour assuré que ces idées sont fausses par un point, si subtiles te semblent-elles, soutenues par les plus beaux noms, parées de la magie des plus beaux talents. Exalte et cultive en toi ces deux grandes vertus, ces deux énergies en dehors desquelles il n'y a que flétrissure présente et qu'agonie finale : l'amour et la volonté ».

La réflexion aidant, nous arrivons à comprendre, ô rhéteur subtil, que votre scepticisme raffiné dissimule au fond un égoïsme affreux : comme l'épicurien sensuel, vous n'êtes « qu'une machine à calcul au service d'une machine à plaisir », et votre unique religion tient dans cette unique formule : bien vivre, c'est jouir. Evidemment il ne saurait être question d'interdire à l'homme de jouir, d'aller à la recherche du plaisir, soit dans le monde sensuel, soit dans le monde intellectuel, de mettre le bien dans l'épanouissement du « moi », de l'enrichir, de

những điều làm-lỗi khi xưa. Bây giờ không làm ra mặt đĩnh-ngộ, khinh-khiêu, ra tay ăn-chơi, ra giọng ngạo đòì, ra giáng hoài-nghi, ra bộ đùa-bỡn được nữa : hăng nên bỏ những cái cách ấy một độ. Trời đất, việc lao-động, lòng ái-tình, những cái đó là trọng, trọng lắm, và bày ra sừng-sực trước mắt kia. Những cái đó phải có mới được, không thời anh cũng không sống được. »

— « Đương buổi nhân-tâm rối-loạn, học-thuyết phân-vân, anh phải nên lấy câu này làm phương-châm, như làm cái cọc má bầu-viu lấy : muốn xét cây thời phải xét cái quả. Có một cái chân-tướng anh không thể hồ - nghi được, vì nó ở trong tay anh, anh cảm - giác thấy nó, anh sinh-hoạt bằng nó từng giây phút một, là cái tâm-hồn của anh. Trong những cái lý-tưởng nó vẫn-vit chung quanh mình, có cái làm cho cái tâm-hồn ấy kém sức yêu đi, kèm sức muốn đi. Anh phải biết rằng những cái tư-tưởng ấy chắc thế nào cũng có một phần sai - làm, dù huyền-điệu thế nào mặc lòng, dù có những kẻ rất danh-tiếng, những kẻ rất tài-tình cổ-động cũng mặc lòng. Anh phải cố gây lấy, cố phấn-phát lấy hai cái đức-tính lớn, hai cái nghị-lực mạnh như sào này, không có thời cái gì cũng là hiện nay hủ-nát, mà sau này tòi-tàn cả : là ái-tình và ý-chí. »

Này ông ngụy-hiện tài, nghĩ ra mới biết rằng cái hoài-nghi-chủ-nghĩa của ông chẳng qua là để che cái lòng duy-kỷ xấu-xa : ông cũng như bọn khoái-lạc về nhục-thể kia, chẳng qua là « một cái máy tính - toán để giúp việc cho một cái máy ăn-chơi » mà thôi, và cái tôn-giáo độc-nhất của các ông, là gồm trong một chữ : sống cho thỏa thích, cho khoái-lạc. Vẫn biết rằng không thể cấm người ta hưởng sự khoái-lạc, tìm sự sung-sướng trong thế-giới tinh-thần, phát-siễn cái « cá-nhân » của mình,

le fortifier toujours par de nouvelles sensations : la vie a des exigences auxquelles on ne pourrait se dérober. Mais enfin, ne faut-il pas se demander aussi ce qu'il adviendrait de l'avenir du pays, si toutes les intelligences annamites se délectaient aux charmes de ce dilettantisme pernicieux ? Ne retomberions-nous pas dans la grande erreur de nos aînés, les lettrés de l'ancien temps, qui passaient leur vie à collectionner de belles phrases et à ciseler de beaux vers ? Ils jonglaient avec des mots, nous jonglerions avec des idées. Ce serait le même jeu stérile et néfaste. Orhétieurs subtils, le charme ensorcelant de vos exquis paradoxes ne fait que répandre une incrédulité criminelle dans les cœurs faibles, les vidant de toute chaleur et de tout espoir, de toute foi et de tout enthousiasme.

Tant que vous vous amusez à ces jeux frivoles, la jeunesse ne vous écouterait pas, et, ma foi, elle aura raison.

*Ceux qui vivent, ce sont ceux qui luttent, ce sont
ceux dont un dessein ferme emplit l'âme et
le front,
ceux qui d'un haut destin gravissent l'épre-
cime,
ceux qui marchent pensifs, épris d'un but
sublime,
Ayant devant les yeux sans cesse, nuit et
jour,
Ou quelque saint labeur ou quelque grand
amour(1).*

La jeunesse annamite, direz-vous, est bien prétentieuse ? Elle a de grands défauts, elle est ambitieuse, impétueuse ; elle ne tient pas compte de la réalité ; elle a une raideur intransigeante dans le jugement, une franchise brutale dans ses gestes et son langage. Mais enfin, elle a de l'enthousiasme. L'enthousiasme, c'est quelque chose ~~de~~ nouveau dans ce pays, et on peut espé-

tim những sự cảm-giác mới mà tăng-tiến cho nó giàu thêm mạnh thêm lên : sự sinh-hoạt có lắm cái cần-dùng không thể khuyết được. Vẫn biết thế, nhưng mà nếu bao nhiêu kẻ thông-minh trong nước Nam đều triển-miên vui-thú trong cái tru-du-chủ-nghĩa ác-hại đó, thì trong-lai ước nhà đến thế nào ? Chẳng lại mắc phải cái lầm lớn của tiền-nhân đời xưa, là các nhà nho cũ, cả đời chỉ còp-nhặt những câu văn hay, chau-chuốt những câu thơ đẹp ư ? Các cụ đời trước thời « mùa dổi » bằng chữ, bọn ta ngày nay thì « mùa dổi » bằng tư-tưởng, cũng là một cách chơi vô-ích mà có hại. Ôi các ông ngụy-biện tài-tinh, những câu biện-bạc kỳ-khôi của các ông nghe càng thú bao nhiêu, thì lại càng hại cho những kẻ tinh-thần nhu-nhược, làm cho mất cả lòng tin-ngưỡng, lòng hi-vọng, lòng hăng-hái, lòng nhiệt-thành.

Các ông còn chơi những cách vô-ích như thế thời kẻ thanh-niên sẽ không làm tai nghe các ông, mà thế là đáng lắm.

Ông VICTOR HUGO đã có câu thơ nói rằng :

« Kẻ sinh-hoạt là kẻ cạnh-tranh, là kẻ có cái mưu lớn ở trong lòng, là kẻ gây nên sự-nghiệp lớn, như người trèo một ngọn núi cao, là kẻ vừa đi vừa ngẫm-nghĩ, như đương mê-mải về một cái mục-dịch cao, ngày đêm bao giờ cũng như liền ở trước mắt có một cái công-trình gì lớn-lao hay một sự cảm-tinh gì to-tát. »

Chắc các ông cho là kẻ thanh-niên An-Nam tự-phụ quá hẳn ? Thanh-niên cũng có nhiều tinh xấu thật, như tham-ham, như hấp-tấp, không biết lượng xét cái sự - thực ở trước mắt, phán-đoán hay cứng-cỏi, nói-năng cử-động hay thật-thà sỗ-sàng quá. Nhưng mà được có một tinh tốt, là tinh nhiệt-thành cở-võ. Sự nhiệt-thành cũng là một sự mới-

(1) Victor Hugo.

rer beaucoup de cette force mystérieuse, quand on sait l'utiliser. S'il y a des « frères aînés » qui pensent que de la jeunesse dépendra un peu l'avenir de la patrie commune, et qui ont quelque souci de cet avenir, ils devront la prendre par ses défauts pour la conduire. Qui voudra servir de guide à la jeunesse ? La cavale rebelle est encore là qui attend le centaure intrépide . . .

P. C. C.
NGUYỄN NHỎ

mở ở nước này, nếu khéo biết dùng thời có thể làm được nhiều việc bằng cái động-lực huyền-diệu đó. Vì có những bậc « đàn anh » thiết-nghĩ rằng hậu-vận nước nhà sau này cũng có thuộc ở bọn thanh-niên một chút, thì nên tùy chỗ khuyết-diêm của thanh-niên mà ra tay dìu-dắt. Nào ai muốn làm hướng-đạo cho thanh-niên ? Ngựa kỳ-ký đã đứng sẵn đó, chỉ còn đợi tay can-dảm ra cầm cương . . .

Lieux historiques de la province de Hai-duong

Các nơi danh-thắng tỉnh Hải-dương

Le temple de Kiếp-bạc

La première fois que j'eus l'occasion de voir le temple de Kiếp-bạc au village de Vạn-kiếp, huyện de Chí-linh, ce fut un soir de voyage en juin 1913. Il y a de cela dix ans, et mes yeux de jeune collégien n'étaient pas grands observateurs. Pourtant, le tableau était si imposant, le moment si solennel, l'impression si vive que ce que j'ai vu alors ne s'est pas effacé de ma mémoire. Depuis, j'ai revu le temple trois fois, aux fêtes annuelles, mais je vais essayer de vous raconter seulement mes premières impressions et leur naïveté vous prouvera ma sincérité.

Accoudé au bastingage de la chaloupe, je regardais depuis deux heures la chaîne de collines arrondies couvertes d'une herbe rare, d'arbrisseaux maigres, qui s'étendent de Đáp-cầu à Sept-Pagodes, lorsque mes yeux s'arrêtèrent dans le lointain sur quelques points d'un blanc éclatant. Je n'eus pas de peine à reconnaître les murs d'un temple avec son toit aux coins relevés qui semblait s'affaisser sous un poids invisible. Je sus

Đền Kiếp-bạc

Lần thứ nhất tôi có dịp đi xem đền Kiếp-bạc ở làng Vạn-kiếp, huyện Chí-linh, là một buổi chiều đi du-lịch về tháng sáu năm 1913. Kể tôi nay đã được mười năm trời, hồi bấy giờ tôi còn đi học, con mắt học-trò cũng chưa biết quan-sát gì lắm. Tuy vậy mà cái cảnh-tượng lớn-lao quá, thời-khắc uy-nghiêm quá, sự cảm-giác mạnh quá, khiến cho mắt tôi trông thấy lúc bấy giờ tôi nay vẫn không quên. Từ hồi ấy tôi có đến xem lại đền ba lần, vào ngày hội mỗi năm, nhưng mà tôi thuật lại đây là chỉ kể sự cảm-giác hồi đầu, có đọng thật-thà đủ biết lời thành-thực.

Đứng tựa vào bao-lon tàu, tôi đương nhìn trong hai giờ đồng-hồ giầy núi tròn có ít cỏ lơ-thơ, ít cây căn-cọc, chạy luôn từ Đáp-cầu đến Phả-lại, bỗng mắt trông thấy ở đằng xa những vết trắng sóa. Tôi nhận ngay ra là tường một cái đền có mái góc cong vất lên, hình nặng-nề. Nghe mấy người hành-khách đứng bên cạnh tôi thời biết rằng đó là đền Kiếp-bạc.

ainsi que c'était Kiếp-bạc, au dire de quelques passagers debout à côté de moi. Le temple lui-même n'avait rien de grandiose ; ce sont les décors environnants qui lui donnaient à mes yeux un caractère imposant et qui font de ce coin un des lieux de pèlerinage les plus célèbres du Tonkin.

En effet, la chaîne forme à cet endroit un coude où trois collines, entourant des trois côtés l'emplacement du temple, présentent l'aspect d'un *cái-ngai* (fauteuil de culte, trône). Le temple, s'adossant à la colline du fond, regarde le fleuve au milieu duquel se voit un îlot long appelé « îlot de l'épée ». Sur la colline de droite est le temple du *Nam-Tào* (nom de l'étoile qui préside à la naissance) et sur celle de gauche est le temple du *Bắc-Dầu* (nom de l'étoile qui préside à la mort). Plus loin, à droite, le pagodon funéraire octogonal marque la place où fut enterré Trần Quốc-Tuấn à la mémoire duquel ce temple est dédié. Il semble que la terre de Vạn-kiếp ait été aménagée exprès pour recevoir la dépouille du héros des Trần. La végétation elle-même pousse mieux là que partout ailleurs sur le flanc des collines, comme pour donner au génie un grand et éternel manteau de verdure.

Plus tard, lorsqu'allant à la fête qui dure tous les ans du 12^e au 18^e jour du huitième mois, je voyais les dévots et les dévotes en costume bigarré venir en foules se coudoyer dans le temple, à sa porte, dans la cour et et jusque sur la route, et que j'entendais des sorciers débiter longuement des formules cabalistiques à des femmes possédées, je me demandai ce que l'âme du héros guerrier pouvait bien faire pour ces « pauvres diables ». Il m'a fallu, pour avoir l'esprit tranquille à ce sujet, lire la vie de Trần-Hưng-Đạo. Cette vie, la voici brièvement.

Son nom de famille était Trần et son petit nom Quốc-Tuấn. Il était le fils de Trần Khắc-Liêu, frère aîné du roi Trần-Cảnh, premier de la dynastie des Trần. Il naquit au village Tức-mặc, province de Nam-định.

Chinh đền cũng không to lớn gì ; nhờ có cảnh-trí chung-quanh mà mắt tôi nhìn ra như có cái vẻ hùng-tráng, cũng nhờ thế mà nơi ấy thành một nơi trảy lễ có tiếng nhất xứ Bắc-kỳ.

Thật thế, giãy núi đến đây thành một cái khuỷu có ba ngọn vùng chung-quanh mà đền thì ở giữa, như hình một cái ngai. Đền tựa lưng vào cái núi ở giữa, trông mặt ra ngoài sông, giữa sông có một cái bãi gọi là « bãi kiếm » : Trên núi bên hữu là đền Nam-Tào (là tên ngôi sao chủ sự sinh), trên núi bên tả là đền Bắc-dầu (là tên ngôi sao chủ sự chết). Ở đằng xa về bên hữu có một cái lăng nhỏ hình bát-giác, tức là chỗ chôn ngài Trần Quốc-Tuấn, mà đền này chính là để thờ ngài. Đất Vạn-kiếp này tựa-hồ như đặt riêng ra để làm chỗ chôn ông danh-tướng nhà Trần. Cây cỏ trên sườn núi xem ra cũng tốt-tươi hơn mọi nơi, hình như phủ một tấm thảm xanh ở trên sườn núi.

Mỗi năm hội từ mười-hai đến mười-tám tháng tám, rồi về sau tôi đi trảy hội thấy những thiện-nam tín-nữ chen vai nhau ở trước cửa đền, đây cả ngoài sân cho đến đường cái, lại nghe thấy những ông đồng đọc những câu thần - trú cho những người đàn bà có tà, thòi tôi nghĩ trong bụng rằng không biết linh-hồn ông danh-tướng đời xưa kia có phép gì đối với lũ người khốn-nạn đó. Muốn được yên tâm, tôi bèn mở sử ra đọc truyện ông Trần Hưng-Đạo. Lịch-sử ngài tóm-tắt như sau này.

Họ ngài là Trần, tiền-tự ngài là Quốc-Tuấn. Ngài là con ông Trần Khắc-Liêu là anh cả vua Trần-Cảnh là vua đầu nhà Trần. Ngài sinh ở làng Tức-mặc tỉnh Nam-định.

Sa mère conçut une nuit qu'elle avait vu en songe un vieillard qui disait qu'il était un génie du royaume des cieux envoyé par Dieu pour être au nombre de ses enfants. Au jour de l'accouchement, la chambre où l'enfant allait naître fut inondée de lumière auréolaire et embaumée de parfum céleste.

L'enfant, d'une intelligence très précoce, avait dans la physionomie des traits qui annoncent l'homme de génie. A l'âge de cinq ans, il savait déjà faire des vers et son jeu favori était celui auquel six siècles plus tard, à l'autre extrémité du monde, se livra le jeune Bonaparte entre les murs de l'école militaire de Brienne. Plus tard, devenu grand, il se révéla à la fois profond érudit et savant stratéliste. La septième année de la période *Nguyen-phong* (1257) du règne de Thái-Tôn, l'étoile de Quốc-Tuấn qui devait briller toute sa vie du plus vif éclat, pointa à l'horizon lors de l'invasion des Mongols dans la province de Hung-hóa. Tuấn qui fut alors chargé de rétablir la paix dans la Haute Région du Tonkin, justifia la confiance du roi en peu de temps.

Sous le règne de Nhân-Tôn, le roi Mongol envoya de nouveau Thoát-Hoan et deux généraux de division Toa-Đô et O-Mã-Nhi sur la terre d'Annam. Quốc-Tuấn reçut le commandement en chef des armées royales. Avant de marcher contre les envahisseurs, il accompagna d'abord le roi jusqu'à Thanh-hóa où la cour fut transférée pour épargner à la royale personne les dangers de la guerre et les souffrances d'un long siège possible. A cette époque, la réputation guerrière des Mongols était telle que le roi, effrayé, voulut demander la paix. — « Sire, dit Quốc-Tuấn, faites moi couper la tête d'abord avant d'envoyer vos plénipotentiaires recevoir les conditions des envahisseurs, ce ne sera pas trop tard. Je ne saurais me résoudre à voir ces derniers fouler la terre d'Annam en maîtres et j'ose affirmer à Votre Majesté que son sceptre ne sera jamais ébranlé tant que ce bras a

Một đêm bà mẹ nằm chiêm bao thấy một ông cụ già báo tin rằng có ông thần trên trời sắp giáng-sinh làm con bà. Bà bèn thụ-thai. Hôm đẻ ngài thời trong buồng đầy những hào-quang và có mùi thơm phùng-phức.

Ngài thừa nhỏ đã sớm thông-tuệ lắm, có tướng một bậc thiên-tài. Thừa lên năm tuổi, ngài đã biết làm thơ và chỉ thích chơi đấu-võ, cũng như sáu thế-kỹ về sau, ở bên kia thế-giới, ông Nã-phá-luân hồi còn nhỏ cũng thích tập võ ở trường võ bị *Brienne*. Rồi sau lớn lên, tỏ ra một người rất thông-thái và rất giỏi nghề binh. Năm thứ 7 niên-hiệu *Nguyen-phong* (1257), đời vua Thái-Tôn, ngôi sao ngài Quốc-Tuấn rồi sau rực-rỡ một đời. Bấy giờ mới bắt đầu mọc lên ở góc trời, giữa lúc quân Mông-cổ vào xâm-lấn tỉnh Hung-hóa. Vua sai ngài đi binh mạn-ngược Bắc-kỳ, không bao lâu tỏ ra xứng-đáng lòng tin của vua.

Đời vua Nhân-Tôn, vua Mông-cổ lại sai tướng Thoát-Hoan và hai tướng Toa-đô và O-mã-nhi sang nước Nam. Ngài Quốc-Tuấn được cầm quyền thống-lĩnh quan-quân. Trước khi khởi-quân đi đánh giặc, ngài còn tiễn vua đến Thanh-hóa. vì đã thiên-dô ra đấy để cho vua khỏi phải sự nguy-hiểm chiến-tranh, và có lẽ cực-khổ bị vây nữa. Bấy giờ tiếng quân Mông-cổ đánh giỏi lắm, vua đã sợ, muốn xin hàng. — Ngài Quốc-Tuấn bèn tâu rằng: « Tâu Hoàng-Thượng, xin chém đầu tôi đi rồi hẵng sai sứ xin hàng, cũng không muộn. Tôi không thể trông thấy quân giặc đầy-séo đất nước Nam, tôi dám quyết với Hoàng-Thượng rằng tay này còn cầm nổi thanh gươm thì ngôi vua không đến nỗi chuyển-dịch. » Lời nói mạnh-bạo khảng-khải ấy, rồi sau quả như thế. Tháng tư năm ấy, trận đánh

encore assez de force pour tenir une épée». Ces paroles héroïques et hautaines ne furent pas démenties. Le quatrième mois de cette année, une bataille eut lieu à Hâm-tử. Les Mongols furent complètement mis en déroute. Le mois suivant, à Tây-kết, ces derniers essayèrent de nouveau une sanglante défaite. Un de leurs généraux, Toa-Đô, fait prisonnier, fut mis à mort. L'armée de Thoát-Hoan dut se replier en Chine.

La troisième année de la période *Trùng-hưng* (1287), Thoát-Hoan revint en Annam avec les généraux O-mã-Nhi et A-Bát-xích. Tuấn chargea le général Trần Khánh-Dư d'aller leur barrer le chemin au port de Lục-hải, dépendant du huyện de Hoành-bồ, province de Quảng-yên. Le convoi de vivres et munitions ennemis fut entièrement détruit. Thoát-Hoan, n'ayant plus de vivres, rebroussa. Tuấn vint l'attendre sur les bords du Bạch-dăng. Il fit enfoncer des pieux au fond de l'eau à quelque distance du lieu où campait l'ennemi, puis au moment de la marée montante, vint provoquer le combat. Au milieu de la lutte, feignant de s'enfuir, il attira l'ennemi qui remonta le cours d'eau. Lorsqu'il arriva au lieu où le piège était tendu, l'eau avait baissé et un grand nombre de barques vinrent s'échouer sur les pieux. Alors Tuấn, faisant volte face, jeta la panique dans l'armée ennemie. O-Ma-Nhi fut fait prisonnier; Trương Ngọc, un autre général mongol, fut tué d'une flèche; quant à Thoát-Hoan et A-Bát-xích, ils purent miraculeusement échapper à la mort et regagner la Chine.

Depuis ce temps, les Mongols redoutaient Tuấn. Leurs incursions en Annam ne cessèrent pourtant pas. Ils revinrent et pour la sixième et dernière fois apprirent à connaître l'homme qu'ils allaient combattre. Cette fois-ci Thoát-Hoan était secondé par Nguyễn Bá-Linh plus connu sous le nom de Phạm-Nhan (littéralement : dont on redoute la rencontre). Celui-ci, aux talents de la guerre, joignait des pouvoirs

ở Hâm-tử, quân Mông-cổ bị thua to. Tháng sau ở Tây-kết, bị thua một trận dữ nữa. Tướng Toa-đô bị bắt chém chết. Quân Thoát-Hoan phải rút về Tàu.

Năm Trùng-hưng thứ 3 (1287), Thoát-Hoan lại trở lại nước Nam cùng với hai tướng Ô-mã-nhi và Ô-bát-xích. Ngài sai tướng Trần - Khánh - Dư ra chặn đường ở cửa Lục-hải, thuộc huyện Hoành-bồ, tỉnh Quảng-yên. Đội lương thực của quân giặc bị phá hết. Thoát-Hoan không có lương nữa phải quay về. Ngài đem quân đến đợi sẵn ở bờ sông Bạch-dăng. Sai đóng cọc ở dưới nước, cách chỗ quân giặc đóng, rồi lúc nước triều lên, ra khêu chiến. Giữa trận, giả thua chạy, dụ quân giặc lên ngược dòng sông. Đến chỗ đánh bẫy, thời nước vừa rút xuống, thuyền giặc mắc cọc nhiều lắm. Bấy giờ, ngài Quốc-Tuấn mới quay lại đánh, quân giặc hỗn-loạn cả. Ô-mã-nhi bị bắt; Trương-Ngọc là một tướng Mông-cổ nữa, bị trúng tên chết. Còn Thoát-Hoan và A-bát-xích thì may khỏi chết về Tàu được.

Từ đây quân Mông-cổ sợ ngài Quốc-Tuấn. Song vẫn không thôi tràn vào nước Nam. Sang lần thứ sáu, là lần sau cùng, mới biết tay tướng nước Nam. Lần này thì Thoát - Hoan có một ti - tướng là Nguyễn Bá - Linh, thường gọi là Phạm - Nhan. Phạm Nhan này có tài võ-nghệ, lại có qui-thuật nữa, có thể tùy-ý hiện ra hình gì cũng được. Ngài Quốc-Tuấn bày phép

surnaturels qui lui permettaient d'apparaître au besoin sous toutes les formes possibles. Quốc-Tuấn organisa le plan de bataille dit « Cửu-Cung », bataille où les soldats étaient placés de telle sorte que lorsque l'attaque était ordonnée ils devaient former neuf cercles entourant l'ennemi et donnant l'assaut à la fois. Grâce à cette savante tactique, Phạm-Nhan fut fait prisonnier. Mais le vainqueur fut fort embarrassé lorsqu'il s'agit de le mettre à mort. Sa tête repoussait aussitôt qu'elle était coupée et le bourreau se fatiguait les bras sans parvenir à bout de son œuvre. Enfin pour se débarrasser de cet ennemi redoutable, Quốc-Tuấn dut avoir recours à son épée magique. Cette fois il réussit. Mais celui qui, à l'instar d'Attila, devait se donner le nom de fléau de Dieu, ne cessa de faire le mal dans le monde des vivants que pour continuer son œuvre dans celui des esprits, car Phạm-Nhan est devenu, de tous les génies du mal, celui que les *nhà-quê* redoutent le plus. Il s'incarne dans le corps de ceux qu'il rencontre, — et ils sont nombreux, — trouble leur repos et rend stériles les femmes.

Les incursions mongoles finies, celui qui « tant de fois avait sauvé son pays, tant de fois affermi le trône de son roi » connut quelque repos. En récompense des services qu'il avait rendus, il reçut le titre de « Thái-sur-thượng-phụ Hưng-Đạo đại-vương (conseiller de Sa Majesté l'Empereur, grand roi Hưng-Đạo). Le roi qui avait pour lui un respect filial lui fit bâtir le temple de Vạn-kiếp où il était adoré vivant comme un demi-dieu. Tous ses hauts faits furent gravés dans la pierre.

Devenu vieux, il se retira dans son domaine à Vạn-kiếp où il vécut jusqu'à l'âge de 70 ans. Il avait composé au cours de sa vie de guerrier, un livre intitulé « Précis de Tactique » destiné aux officiers qui servaient sous ses ordres et où les guerriers annamites de ces derniers temps ont encore trouvé d'excellents conseils et de

trận gọi là « Cửu-cung », nghĩa là quân đặt thế nào cho đến khi khởi chiến thì vây lại chín vòng quanh quân địch và xông cả vào đánh. Nhờ thế trận ấy, Phạm Nhan bị bắt. Nhưng mà lúc đem giết nó không thể sao giết được. Đầu nó hễ chặt rồi lại mọc ra ngay, người chém mỗi cánh tay mà không chém xong. Sau ngài Quốc-Tuấn phải dùng đến thanh thần-kiếm mới trị nổi thằng yêu-tinh. Lần này thời chém được. Nhưng mà Phạm Nhan cũng giống như ATTILA ngày xưa, thật là cái quái hại của trời sai xuống, không làm hại người sống được nữa, bèn quấy nhiễu tà-ma, vì đã thành một vị ác thần người nhà quê sợ lắm. Nó gặp ai hay hiện hình vào người ấy, — mà những người bị như thế nhiều lắm —, nó làm cho người ta khổ sở và làm cho đàn bà không sinh đẻ được.

Sau khi giặc Mông-cò đã yên, ngài có công cứu nước phù vua, bấy giờ mới được an-nhàn nghỉ-ngoi. Vua tặng cho ngài chức « Thái-sur-thượng-phụ Hưng-đạo-đại-vương » để đền ơn công-nghiệp ngài. Vua kính trọng ngài như con đối với cha, truyền xây đền Vạn-Kiếp để thờ ngài thừa sống như một ông thần vậy. Công-nghiệp ngài đều khắc lên đá.

Khi già ngài lui về ở đất riêng ở Vạn-Kiếp, thọ được 70 tuổi. Sinh-thời ngài có làm một bộ sách đề là « Binh-pháp yếu-lược », để dạy cho các tướng dưới quyền ngài, các nhà võ-sĩ ở nước Nam hồi gần đây cũng còn học trong sách được nhiều điều hay. Khi ngài mất ai cũng thương tiếc, từ

bonnes leçons. Il mourut regretté de tous, du roi et des grands comme du peuple. Son nom n'est prononcé qu'avec un profond et religieux respect et son souvenir ne s'effacera jamais de la mémoire des Annamites. Pour les paysans, les femmes, c'est un puissant génie qui vous délivre des mauvais esprits ; pour un homme qui sait l'histoire de son pays, c'est le héros qui a sauvé la patrie de l'invasion étrangère.

ĐẶNG ĐÌNH-PHÚC

Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

(Dịch thơ văn Tây)

Les deux voyageurs

Le compère Thomas et son ami Lubin
Allaient à pied tous deux à la ville prochaine.
Thomas trouve sur son chemin
Une bourse de louis pleine ;
Il l'empoche aussitôt, Lubin, d'un air content.
Lui dit : « Pour nous la bonne aubaine !
— Non, répondit Thomas froidement :
Pour nous n'est pas bien dit ; *pour moi*, c'est
différent ! »
Lubin ne souffle plus : mais, en quittant la
plaine,
Ils trouvent des voleurs cachés au bois voisin.
Thomas tremblant, et non sans cause,
Dit : « Nous sommes perdus ! — Non, lui
répondit Lubin,
Nous n'est pas le vrai mot ; mais *toi*, c'est
autre chose. »
Cela dit, il s'échappe à travers les taillis.
Immobile de peur, Thomas est bientôt pris :
Il tire la bourse et la donne.
Qui ne songe qu'à soi quand la fortune est
bonne,
Dans le malheur n'a point d'amis.

FLORIAN

vua, các quan, cho đến dân-gian. Đọc đến tên ngài ai cũng kính trọng, và người An-Nam đời đời còn kỷ-niệm đến ngài mãi. Đối với người nhà-quê và dân-ba thời ngài là ông thần thiêng trừ được yên-tà ; đối với người thuộc quốc-sử thì ngài là người anh-hùng đã cứu được nước nhà khỏi quân ngoài xâm-chiếm.

Hai người đi đường

Bác Giáp với bạn thân là Ất,
Ra tỉnh cùng đi đất cả hai,
May sao may khéo là may,
Đi đường bác Giáp được ngay dây vàng.
Giáp lật-dật đem mang bỏ túi,
Hớn-hở mừng Ất mới nói to :
« Thiệt là Trời đãi chúng ta !
Giáp rằng : « Đừng nói thể mà không xong.
« Của tôi cả đùng hồng ăn béo,
« Nhận chúng ta thực khéo tán xằng. »
Ất ta chẳng nói chẳng rằng,
Đi khỏi ruộng lúa đến rừng rậm xanh.
Nấp trong bụi mấy anh ăn cướp,
Thấy Giáp qua, liền bước đảo theo.
Giáp thời hồn lạc phách xiêu,
Gọi Ất lại bảo : « Cứu nhau mấy nào !
« Này cướp đến không mau chết cả ! »
Ất đáp rằng : « Khoan đã, anh ơi !
« Cứu nhau anh nói sai rồi ;
« Cứu anh mới phải là lời đúng hơn. »
Miệng nói thể mà chân vẫn chạy,
Đề Giáp ta sợ-hãi rụng-rời.
Cướp vừa đuổi đến tận nơi,
Đẩy vàng trong túi Giáp lỏi nộp liền.
Lúc phú-quí mà quên bạn-hữu,
Đến khi nguy cầu-cứu ai thương ?

VŨ VĂN-LÊ

Giáo-học trường Trung-Pháp Văn-nam
dịch